Van điện từ
VUVS-LT20-T32H-MD-G18-F7

Số bộ phận: 577502

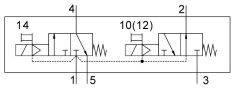

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	2x3/2 mở/đóng đơn ổn định
Kiểu vận hành	điện
Kích thước van	21 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	600 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	G1/8
Áp suất vận hành	0.25 MPA...1 MPA 2.5 bar...10 bar
Cấu trúc xây dựng	Đế đĩa
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Giấy phép	c UL us - Recognized (OL)
Chiều rộng định mức	5.2 mm
Chức năng khí xả	có thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nút ghi đè	khớp quét
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
kiểm soát cung cấp không khí	trong
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Xếp chồng	gối chồng âm
giá trị b	0.34
Giá trị C	2.3 l/s*bar
Thời gian chuyển mạch tắt	23 ms
Thời gian chuyển mạch bật	9 ms
Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0	1900 µs
Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu	2700 µs
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27

Đặc tính	Giá trị
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Loại phòng sạch	Loại 6 theo ISO 14644-1
Nhiệt độ trung bình	-10 °C...60 °C
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...60 °C
trọng lượng sản phẩm	180 g
Kiểu gắn	Trên ray gắn van cụm với lỗ xuyên tùy ý:
Kết nối lỗ mở thông khí	không được gom
Cổng nối kiểm soát khí thải 82	M5
Cổng nối kiểm soát khí thải 84	M5
Cổng nối khí nén 1	G1/8
Cổng nối khí nén 2	G1/8
Cổng nối khí nén 3	G1/8
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phớt	HNBR NBR TPE-U (PU)
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực sơn
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm